

Bản án số: 67/2025/HS-ST.
Ngày 03-04-2025.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Chí Trung và bà Nguyễn Thị Chương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hồng Liên - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 04 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 35/2025/TLST-HS ngày 21/02/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2025/QĐXXST-HS ngày 21/03/2025 đối với bị cáo:

Phạm Tiến Anh T, sinh năm 1995 tại Hà Nội; nơi ĐKTT: Số 41, tổ M, phường P, quận Long Biên, thành phố Hà Nội; nơi ở: Tổ dân phố P, phường T, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Tiến H và bà Nguyễn Thị Đ; có vợ là Đinh Thị M, sinh năm 1995 và chưa có con; tiền án: Ngày 11/7/2024, Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ ngày 04/11/2024, tạm giam từ ngày 13/11/2024 đến nay; có mặt.

- Bị hại: Anh Nguyễn Đức D, sinh năm 2001; nơi ĐKTT: Xóm T, xã Đ, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; nơi ở: Tổ dân phố P, phường T, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Nguyễn Đình K, sinh năm 1995; trú tại: Thôn T, xã L, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

2. Ông Trương Thọ T, sinh năm 1960; trú tại: Tổ 1, phường T, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1996; trú tại: Tổ 3, phường L, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

4. Anh Trương Ngọc T, sinh năm 1995; trú tại: Thôn T, xã T, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

5. Anh Dương Đăng T, sinh năm 1994; trú tại: Thôn H, xã T, thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

6. Chị Đinh Thị M, sinh năm 1995; trú tại: Số 41, đường K, phường P, quận Long Biên, thành phố Hà Nội; có mặt.

7. Anh Vi Ngọc Duy, sinh năm 1996; trú tại: Thôn C, xã K, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Anh Nguyễn Thế Đ, sinh năm 2001; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 11/2024, Phạm Tiên Anh T được Công ty Cổ phần công nghệ và đô thị Á Châu (Công ty Á Châu) phân công đến làm việc ở công trường Khu công viên dự án Sun Urban City tại thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Cùng làm việc với T còn có anh Nguyễn Đức D và anh Đỗ Linh T đều là nhân viên của Công ty Á Châu. Trong thời gian làm việc cùng nhau, T, anh D và anh T cùng thuê phòng trọ tại tổ dân phố P, phường T, thành phố Phủ Lý nên T biết được anh D có một chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu HP màu đen. Do đang bị nợ nần nhiều tiền nên T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc máy tính của anh D đem bán lấy tiền để trả nợ. T lên mạng xã hội Facebook tìm thông tin thì biết được số điện thoại của Bệnh viện máy tính MK, địa chỉ tại số 305, đường Lý Thường Kiệt, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý của anh Nguyễn Đình K. Sau đó, gọi điện cho anh K hỏi: “*Em có máy tính HP màu nâu xám nếu cầm thì được giá bao nhiêu?*” thì anh K nói phải kiểm tra mới xác định được giá. Sáng ngày 03/11/2024, T cùng anh D, anh T đến công trường dự án Sun Urban City làm việc, khoảng 08 giờ cùng ngày T hỏi mượn anh D chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave Alpha màu trắng, biển kiểm soát: 98B3-881... của anh D, mục đích để quay về nhà trọ lấy trộm chiếc máy tính thì được anh D đồng ý. Khi về nhà trọ, T thấy chiếc máy tính và sạc pin máy tính nhãn hiệu HP của anh D đang để trên giường, có chiếc ba lô màu trắng - xám để trên kệ quần áo, T đã lấy chiếc máy tính và sạc pin cho vào bên trong ba lô rồi điều khiển xe mô tô đi theo định vị đến cửa hàng của anh K. Tại đây, T và anh K thỏa thuận cầm cố chiếc máy tính, sạc pin và ba lô số tiền là 7.000.000đồng. Anh K đã chuyển khoản số tiền 7.000.000đồng từ số tài khoản 19032831171014 của anh K tại Ngân hàng Techcombank vào số tài khoản 0934630698 của T tại Ngân hàng MB. Sau đó, T dùng số tiền này để trả nợ cho một người tên Đại (T chưa xác định được nhân thân, lai lịch) bằng cách chuyển khoản số tiền 7.000.000đồng vào số tài khoản 94392886868 đứng tên Vi Ngọc D tại Ngân hàng MB do Đại cung cấp.

Sau khi cầm cố xong chiếc máy tính, T ra mở cốp chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 98B3-881... thì thấy chiếc ví da nam màu nâu đen của anh D để bên trong, T mở ví ra thấy có Chứng nhận đăng ký xe mô tô và căn cước công dân mang tên anh D nên nảy sinh ý định mang chiếc xe mô tô của anh D đi cầm cố để lấy tiền trả nợ.

Tuấn điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 98B3-881... đi đến cửa hàng sửa chữa xe máy của ông Trương Thọ T tại địa chỉ số 448 đường Lý Thường Kiệt, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, T thỏa thuận cầm cố chiếc xe mô tô cho ông T với số tiền 3.000.000đồng, ông T đồng ý và chuyển khoản số tiền 3.000.000đồng từ số tài khoản 9936070316 tại Ngân hàng Techcombank của ông T vào tài khoản của T, sau đó T đã chuyển khoản số tiền này vào số tài khoản 7999999686999 đứng tên Phạm Quang Đ do Đại cung cấp. Khoảng 30 phút sau, T quay lại cửa hàng hỏi ông T xem có nhận cầm cố thêm tiền chiếc xe mô tô không thì ông T nói nhận cầm cố giúp thêm 1.000.000đồng. T đồng ý, viết thêm số tiền 1.000.000đồng vào giấy vay tiền của ông T tổng cộng là 4.000.000đồng, hẹn trả trong vòng 03 ngày nếu không chuộc xe ra thì coi như đã bán xe cho ông T. Ông T tiếp tục chuyển khoản số tiền 1.000.000đồng vào tài khoản của T, sau đó T đã chuyển khoản số tiền này vào số tài khoản 756542234 đứng tên Lê Tân Hiếu tại Ngân hàng MB do Đại cung cấp. Do vẫn còn nợ tiền của Đại nên T đi bộ đến cửa hàng của anh K để hỏi anh K xem có nhận cầm cố thêm tiền chiếc máy tính không thì anh K đồng ý nhận cầm cố thêm 1.000.000đồng và lấy đưa cho T 1.000.000đồng tiền mặt. T cầm tiền đi bộ đến cửa hàng điện thoại của chị Nguyễn Thị D nhờ chị D chuyển khoản 1.000.000đồng vào tài khoản của T rồi đưa số tiền 1.000.000đồng cho chị D. Sau đó, T tiếp tục chuyển khoản số tiền 1.000.000đồng vào số tài khoản 94392886868 đứng tên Vi Ngọc Duy tại Ngân hàng MB do Đại cung cấp. Khi từ cửa hàng của chị D đi ra, Tuấn gặp một người đàn ông không quen biết, người này hỏi T có việc gì mà chạy đi chạy lại từ sáng thì T nói đang cần tiền trả nợ nhưng thiếu tiền phải đi hỏi thêm, người đàn ông đã đề nghị giúp đỡ T bằng cách nhận cầm cố điện thoại của T với số tiền 1.000.000đồng nhưng T không đồng ý. Người đàn ông hỏi chuyện thì biết T đang cầm cố chiếc máy tính ở cửa hàng của anh K nên đồng ý cho T vay 1.000.000đồng mà không cần thế chấp, cầm cố tài sản, T đồng ý bảo người đàn ông chuyển khoản số tiền 1.000.000đồng vào tài khoản do Đại cung cấp mà không nhớ số tài khoản và nội dung chuyển khoản của người đàn ông và người nhận tiền. Sau đó, T vào một cửa hàng sửa chữa máy tính ở đường Lý Thường Kiệt, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý hỏi thì chủ cửa hàng nói có thể nhận cầm cố chiếc máy tính của anh D với số tiền 9.000.000đồng nên T quay lại cửa hàng của anh K nói với anh K về việc này, anh K đã đồng ý để T và nhân viên của cửa hàng là anh Nguyễn Thế Đ mang chiếc máy tính đi cầm cố. Do không gặp được chủ cửa hàng đó nên T và anh Đ mang chiếc máy tính vào cửa hàng sửa chữa máy tính TNT TECH của anh Trương Ngọc T ở địa chỉ số 279 đường Lý Thường Kiệt, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, sau khi thỏa thuận bán chiếc máy tính cho anh T với giá 6.000.000đồng T gọi điện cho anh K thông báo việc bán chiếc máy tính và xin trả lại tiền đã cầm cố máy tính cho anh K thì được anh K đồng ý. Anh T nhận máy tính rồi chuyển khoản số tiền 6.000.000đồng từ số tài khoản 1995886333333 của anh T tại Ngân hàng MB vào tài khoản của T, T đã chuyển khoản số tiền này vào số tài khoản 601086868 đứng tên Trần Hoàng Vũ tại Ngân hàng MB do Đại cung cấp. Khi T và anh Đ quay lại cửa hàng của anh K, T nói với anh K: *“Anh xem có thêm được thì lấy cho em để em trả lại tiền cho anh T”* thì anh K đồng ý mua lại chiếc máy tính. Sau đó T, anh K và anh Đ cùng đi sang cửa hàng của anh T để thỏa thuận về việc mua lại chiếc máy

tính, trong lúc anh K mang chiếc máy tính về cửa hàng để kiểm tra thì T ở lại cửa hàng của anh T. Sau đó, anh K nhắn tin cho T hỏi mua lại chiếc máy tính với giá 9.500.000đồng thì T đồng ý, T nói lại với anh T là anh K muốn mua chiếc máy tính T đã bán cho anh T với giá 9.500.000đồng thì anh T đồng ý cho T bán lại chiếc máy tính cho anh K. Sau đó anh K chuyển khoản cho T số tiền 1.500.000đồng, T đã chuyển khoản tiếp số tiền này đến số tài khoản 756542234 đứng tên Lê Tân Hiếu tại Ngân hàng MB do Đại cung cấp.

Không thấy T trả lại tiền đã bán máy tính, anh T giục T tìm cách giải quyết thì T nói đi cầm cố chiếc điện thoại của T để trả tiền cho anh T nên anh T đồng ý. T cùng anh T đi đến cửa hàng điện thoại Nhật Minh Mobile của anh Dương Đăng T ở số 252 đường Lý Thường Kiệt, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, T thỏa thuận bán chiếc điện thoại Redmi Note 10 của T cho anh T với giá 1.200.000đồng thì anh T đồng ý, anh T chuyển khoản số tiền 1.200.000đồng từ số tài khoản 2952588888 tại Ngân hàng Techcombank của anh T vào tài khoản của T, T tiếp tục chuyển khoản số tiền này vào số tài khoản 7999999686999 đứng tên Phạm Quang Đại do Đại cung cấp để trả nợ. Thấy anh T tiếp tục thúc giục trả nợ nên T quay lại cửa hàng của anh T mượn chiếc điện thoại T đã bán cho anh T để gọi điện về gia đình nhờ giải quyết thì anh T đồng ý, đưa chiếc điện thoại cho T mượn. Lúc này anh D gọi điện giục T mang xe mô tô biển kiểm soát: 98B3-881... về trả cho anh D và đi theo vị trí T chia sẻ trên ứng dụng Zalo đến cửa hàng của anh T để tìm T. Trong lúc T đang gọi điện cho gia đình thì người đàn ông đã cho T vay số tiền 1.000.000đồng trước đó đi đến bảo T đưa điện thoại để người này nói chuyện với gia đình T, T đồng ý đưa chiếc điện thoại cho người đàn ông rồi quay ra đứng nói chuyện với anh D. Khi anh T đi ra bảo T trả lại chiếc điện thoại Redmi Note 10 thì người đàn ông cầm điện thoại đã bỏ đi mất. Sau đó, anh D đã đến Công an phường Tân Hiệp, thành phố Phủ Lý trình báo sự việc.

Vật chứng, tài sản đã thu giữ gồm:

- 01 chiếc máy tính đã qua sử dụng nhãn hiệu HP màu đen, bộ xử lý Intel (R) i5-12450H, RAM 8,00GB, trên máy tính có in dòng chữ, số “Model: MT7921”; 01 sạc pin máy tính đã qua sử dụng nhãn hiệu HP màu đen, loại 150W, có in dòng chữ màu trắng “HP Part NO: M85394-003 Made in China”; 01 chiếc ba lô đã qua sử dụng màu trắng - xám, dây khóa màu đen, trên ba lô có in dòng chữ màu trắng “LG Display You Dream We Display”.

- 01 xe mô tô đã qua sử dụng nhãn hiệu HONDA, loại Wave, màu sơn trắng - đen - bạc, biển kiểm soát: 98B3 - 881...; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 98017093 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 06/05/2022, biển kiểm soát đăng ký: 98B3 - 881....

- 01 chiếc ví nam giả da màu nâu - đen, đã qua sử dụng, trên ví có in dòng chữ “LOUIS VUITTON PARIS”.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 113/KL-HĐĐGTS ngày 09/11/2024, Hội đồng định giá tài sản thành phố Phủ Lý kết luận: “Trị giá 01 (một) chiếc máy tính nhãn hiệu HP, màu đen, bộ xử lý Intel (R) i5-12450H, RAM 8,00GB, trên máy tính có in dòng chữ, số “Model: MT7921”, máy tính cũ đã qua sử dụng, thời điểm định giá tháng 11/2024 là 10.500.000đồng. Trị giá 01 (một) sạc pin máy tính nhãn hiệu

HP màu đen, loại 150W, có in dòng chữ màu trắng “HP Part NO: M85394-003 Made in China”, sạc pin đã qua sử dụng, thời điểm định giá tháng 11/2024 là 350.000đồng. Trị giá 01 (một) chiếc ba lô màu trắng - xám, dây khóa màu đen, trên ba lô có in dòng chữ màu trắng “LG Display You Dream We Display”, ba lô đã qua sử dụng, thời điểm định giá tháng 11/2024 là 100.000đồng”.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 121/KL-HĐĐGTS ngày 04/12/2024, Hội đồng định giá tài sản thành phố Phủ Lý kết luận: “*Trị giá 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại: Wave, BKS: 98B3-881..., màu sơn trắng - đen - bạc, số máy: 98B388177, số khung: 98B388177, xe đã qua sử dụng, , thời điểm định giá tháng 11/2024 là 10.000.000đồng. Trị giá 01 (một) chiếc ví nam giả da màu nâu - đen, đã qua sử dụng, trên ví có in dòng chữ “LOUIS VUITTON PARIS”, thời điểm định giá tháng 11/2024 là 10.000đồng. Trị giá 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Redmi Note 10, 5G bản 64GB, màu xanh, đã qua sử dụng, thời điểm định giá tháng 11/2024 là 1.630.000đồng”.*

Tại bản kết luận giám định số 916/KL-KTHS ngày 26/11/2024, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam kết luận: “*Xe mô tô biển số 98B3-881..7 gửi giám định có: Hàng chữ số khung hiện tại 98B388177 là hàng chữ số đóng lại, giám định không tái hiện được số khung nguyên thủy của xe. Hàng chữ số máy hiện tại 98B388177 là hàng chữ số đóng lại, giám định không tái hiện được số máy nguyên thủy của xe”.*

Bản Cáo trạng số 38/CT-VKS-PL ngày 18/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam đã truy tố Phạm Tiến Anh T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý thực hành quyền công tố Nhà nước giữ nguyên quan điểm không thay đổi, bổ sung về nội dung đã truy tố đối với bị cáo Phạm Tiến Anh T, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 và khoản 5 Điều 173, điểm a khoản 1 và khoản 5 Điều 175, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, các điều 35, 38, 50, 55, 56 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

- Hình phạt chính: Xử phạt Phạm Tiến Anh T từ 18 tháng đến 24 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” và từ 18 tháng đến 24 tháng tù về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp chung hình phạt tù của cả hai tội là từ 36 tháng đến 48 tháng tù.

- Tổng hợp hình phạt tù với bản án số 184/2024/HS-ST ngày 11/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh bị cáo phải chấp hành về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” với bản án mới theo quy định pháp luật.

- Hình phạt bổ sung: Phạt tiền Phạm Tiến Anh T từ 5.000.000đồng đến 10.000.000đồng cho mỗi tội để sung vào ngân sách Nhà nước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Đinh Thị M (vợ bị cáo Phạm Tiến Anh T) trình bày: Ngày 15/02/2025 chị đã tự nguyện bỏ ra số tiền lần lượt là 9.500.000đồng, 4.000.000đồng, 6.000.000đồng và 1.200.000đồng thanh toán

trả lại cho anh Nguyễn Đình K, ông Trương Thọ T, anh Trương Ngọc T và anh Dương Đăng T số tiền mà Phạm Tiến Anh T đã nhận của anh K, ông T, anh T và anh T khi mua bán, cầm cố chiếc máy tính nhãn hiệu HP cùng sạc pin máy tính, ba lô, chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 98B3-881... và chiếc điện thoại di động Redmi Not 10. Chị M xác định việc chị bỏ tiền ra thanh toán trả các khoản nợ thay cho Phạm Tiến Anh T là tự nguyện và không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại cho chị số tiền này.

Bị cáo Phạm Tiến Anh T đã khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đã truy tố. Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với những người tham gia tố tụng trong vụ án là bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của họ, được cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Tiến Anh T đã khai nhận toàn bộ các hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với chứng cứ của vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa như đơn trình báo của bị hại; biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, tạm giữ, giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng, khám nghiệm hiện trường; sơ đồ, bản ảnh hiện trường; văn bản cung cấp thông tin và sao kê giao dịch tài khoản khách hàng của các Ngân hàng MB, Techcombank; kết luận giám định, định giá tài sản; lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng trong quá trình điều tra; hồ sơ lý lịch tư pháp của bị cáo và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ của vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Với mục đích trộm cắp tài sản để bán lấy tiền trả nợ, khoảng 08 giờ ngày 03/11/2024, Phạm Tiến Anh T đã mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 98B3-881... của anh Nguyễn Đức D rồi điều khiển xe mô tô đi về phòng trọ tại tổ dân phố P, phường T, thành phố Phủ Lý lén lút lấy trộm của anh D 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu HP trị giá 10.500.000đồng, 01 bộ sạc pin máy tính nhãn hiệu HP trị giá 350.000đồng và 01 ba lô màu trắng - xám trị giá 100.000đồng, tổng giá trị tài sản T trộm cắp của anh D là 10.950.000đồng. Sau khi mang máy tính đi tiêu thụ xong, T phát hiện thấy trong cốp xe mô tô biển kiểm soát: 98B3-881... có giấy tờ đăng ký của xe nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô đã mượn của anh

D trị giá 10.000.000đồng đem đi cầm cố được 4.000.000đồng để trả nợ và không có khả năng trả lại xe mô tô cho anh D. Các hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Tiến Anh T đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

4.1. Về nhân thân: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; nhân thân xấu do đã bị kết án về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và chưa được xóa án tích.

4.2. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bị kết án về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” chưa được xóa án tích mà lại phạm tội mới do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng là: “*Tái phạm*” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

4.3. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo về các hành vi phạm tội đã thực hiện; được người thân thực hiện các nghĩa vụ dân sự khác trong vụ án thay cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt:

5.1. Hình phạt chính: Các hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Với thủ đoạn tinh vi như lợi dụng sự chủ quan, mất cảnh giác và sự tin tưởng của người khác trong quản lý tài sản, thực hiện hành vi phạm tội thời điểm ban ngày tránh mọi sự nghi ngờ, đề phòng, phát giác để đạt được mục đích chiếm đoạt tài sản. Mặc dù bị kết án phạt tù về tội phạm xâm phạm quyền sở hữu và chưa được xóa án tích nhưng bị cáo đã không lấy đó làm bài học cảnh tỉnh, tu dưỡng bản thân, sống có ích mà vẫn tiếp tục phạm tội mới do cố ý thể hiện bản chất là người coi thường pháp luật. Hành vi của bị cáo không những gây hậu quả thiệt hại về tài sản cho cá nhân, mà còn gây mất trật tự, trị an khu dân cư, tạo nên tâm lý lo ngại, bức xúc trong nhân dân. Vì vậy, cần có hình phạt nghiêm minh, tương xứng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của từng tội phạm bị cáo đã thực hiện và nhân thân xấu của bị cáo mới có đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo ý thức chấp hành, tuân thủ pháp luật và các quy tắc ứng xử của đời sống xã hội, nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh ngăn chặn, phòng chống tội phạm.

5.2. Hình phạt bổ sung: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vì mục đích vụ lợi, bất chính. Do đó việc áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo bằng hình thức phạt tiền là cần thiết, nhằm thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật và tác dụng răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

[6] Về quyết định hình phạt và tổng hợp hình phạt:

6.1. Bị cáo bị xét xử cùng một lần về nhiều tội phạm, do đó Tòa án sẽ quyết định hình phạt đối với từng tội và tổng hợp hình phạt chung theo quy định tại Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

6.2. Do bị cáo đang trong thời gian thử thách của hình phạt tù cho hưởng án treo tại bản án số 184/2024/HS-ST ngày 11/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh lại thực hiện hành vi phạm tội mới, do đó Tòa án sẽ buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

7. Về tình tiết khác của vụ án:

7.1. Đối với hành vi cầm cố, mua bán chiếc máy tính: Quá trình điều tra xác định Phạm Tiến Anh T đã mang chiếc máy tính cầm cố cho anh Nguyễn Đình K với số tiền 8.000.000đồng, sau khi cầm cố máy tính T lại nói với anh K cho T mang máy tính đến cửa hàng khác bán với giá cao hơn thì được anh K đồng ý nên T đã mang chiếc máy tính đến bán lại cho anh Trương Ngọc T. Khi thỏa thuận bán máy tính cho anh T với giá 6.000.000đồng, T có gọi điện cho anh K thông báo nội dung thỏa thuận và được anh K đồng ý mới thực hiện giao dịch, mặt khác khi đó anh K muốn mua lại chiếc máy tính với giá 9.500.000đồng nên nhắn tin cho T và T nói lại với anh T thì được anh T đồng ý, do đó Cơ quan điều tra xác định việc cầm cố, mua bán máy tính giữa T với anh K và anh T là giao dịch dân sự, không có dấu hiệu của tội phạm theo quy định của Bộ luật Hình sự là có cơ sở.

7.2. Đối với hành vi của Phạm Tiến Anh T bán chiếc điện thoại Redmi Note 10 của T cho anh Dương Đăng T, sau đó mượn lại chiếc điện thoại để gọi điện nhưng không trả lại được điện thoại cho anh T: Quá trình điều tra do xác định khi anh T đồng ý cho T mượn điện thoại, T đã gọi điện cho gia đình thì người đàn ông trước đó cho T vay 1.000.000đồng đi đến bảo T đưa điện thoại để người đó nói chuyện với gia đình T, sau khi cầm điện thoại thì người đàn ông bỏ đi mất, đến nay chưa xác định được nhân thân, lai lịch của người đó nên Cơ quan điều tra chưa có đủ để căn cứ xem xét, xử lý hành vi của T và người đàn ông nêu trên là có cơ sở.

7.3. Đối với hành vi nhận cầm cố, mua bán chiếc máy tính, chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 98B3-881... và nhận chuyển khoản hộ số tiền 1.000.000đồng cho Phạm Tiến Anh T của anh Nguyễn Đình K, ông Trương Thọ T, anh Trương Ngọc T và chị Nguyễn Thị D: Quá trình điều tra do xác định anh K, ông T, anh T và chị D không biết chiếc máy tính, xe mô tô và số tiền nhận chuyển khoản hộ là do T phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra xác định hành vi của anh K, ông T, anh T và chị D không đủ yếu tố cấu thành tội phạm theo quy định của Bộ luật Hình sự, không xem xét, xử lý trách nhiệm hình sự đối với họ là có cơ sở.

7.4. Đối với người tên Đại theo Phạm Tiến Anh T khai là người đã hướng dẫn cho bị cáo chuyển tiền đến các địa chỉ khác nhau để trả nợ, quá trình điều tra do xác định T không biết rõ nhân thân, lai lịch, địa chỉ của Đại và những người T đã chuyển tiền theo hướng dẫn của Đại, ngoài ra Cơ quan điều tra đã ủy thác điều tra nhưng chưa nhận được kết quả, do đó chưa đủ căn cứ để xem xét, xử lý đối với người này trong vụ án là có căn cứ.

7.5. Đối với anh Vi Ngọc D là chủ tài khoản số 94392886868 tại Ngân hàng MB được Phạm Tiến Anh T chuyển khoản đến số tiền 8.000.000đồng, quá trình điều tra do xác định anh D không sử dụng số tài khoản nêu trên để cho T vay tiền và nhận tiền trả nợ của T thông qua người tên Đại, do đó Cơ quan điều tra xác định hành vi

của anh D không cấu thành tội phạm, không xem xét, xử lý đối với anh D là có cơ sở.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

8.1. Đối với tài sản bị cáo chiếm đoạt của anh Nguyễn Đức D, quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu hồi được và trả lại cho bị hại gồm chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 98B3-881..., chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu HP, sạc pin của máy tính và chiếc balô màu trắng - xám, anh đã nhận lại tài sản của mình và không có đề nghị gì thêm về bồi thường thiệt hại. Do đó về trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với bị hại không đặt ra xem xét.

8.2. Đối với các khoản tiền bị cáo Phạm Tiến Anh Tu đã nhận của anh Nguyễn Đình K, ông Trương Thọ T, anh Trương Ngọc T và anh Dương Đăng T khi giao dịch mua bán, cầm cố chiếc máy tính nhãn hiệu HP, sạc pin máy tính, ba lô, chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 98B3-881... và chiếc điện thoại di động Redmi Note 10, ngày 15/02/2025 anh K, ông T, anh T và anh T đều có đơn xác nhận về việc chị Đinh Thị M (vợ bị cáo) đã đứng ra thanh toán, trả lại cho họ toàn bộ số tiền bị cáo đã nhận của họ và không yêu cầu bị cáo phải thanh toán trả tiền thêm; chị M cũng không yêu cầu bị cáo phải hoàn lại số tiền chị đã bỏ ra thanh toán trả nợ thay cho bị cáo. Do đó về trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không đặt ra xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng của vụ án: Đối với toàn bộ vật chứng của vụ án gồm máy tính nhãn hiệu HP, sạc pin máy tính, ba lô, xe mô tô biển kiểm soát: 98B3-881..., chứng nhận đăng ký của xe mô tô và chiếc ví giả da, quá trình điều tra do xác định đó là những tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Đức D nên Cơ quan điều tra đã quyết định xử lý vật chứng trả lại toàn bộ số tài sản này cho anh D là đúng quy định pháp luật, do đó không đặt ra xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 và khoản 5 Điều 173, điểm a khoản 1 và khoản 5 Điều 175, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, các điều 35, 38, 50, 55, 56, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Tiến Anh T phạm tội: “Trộm cắp tài sản” và tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

1.1. Xử phạt bị cáo Phạm Tiến Anh T 15 (mười lăm) tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” và 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

1.2. Tổng hợp chung hình phạt tù của cả hai tội với bản án số 184/2024/HS-ST ngày 11/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh bị cáo phải chấp hành về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, buộc bị cáo Phạm Tiến Anh T phải chấp hành chung hình phạt là 63 (*sáu mươi ba*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 04/11/2024.

1.3. Phạt tiền bị cáo Phạm Tiến Anh T 15.000.000đồng (chung cho cả hai tội) để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Án phí: Buộc bị cáo Phạm Tiến Anh T nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Nam;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Hà Nam;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- Người có QL,NVLQ đến vụ án;
- Bị cáo Phạm Tiến Anh T;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thanh Sơn